



IMPROVING THE QUALITY OF INFORMATION ON FINANCIAL STATEMENTS IN CONSTRUCTION ENTERPRISES IN HO CHI MINH CITY

Ngo Thi My Thuy^{1*}, Nguyen Thi Kim Hue²

¹University of Finance – Marketing

²Quoc Gia Construction consulting Corporation

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi70.323</p> <p><i>Received:</i> July 07, 2021</p> <p><i>Accepted:</i> September 14, 2021</p> <p><i>Published:</i> August 25, 2022</p> <p>Keywords: Construction enterprises; Information quality; Financial statements.</p>	<p>Currently, along with the innovation of the market economy and the competition among economic sectors, it has caused difficulties and challenges for businesses in information disclosure, especially the quality of information on the financial statements. Inheriting previous studies, the author studied the information quality of construction enterprises by surveying the current situation of more than 160 construction enterprises, using qualitative and quantitative research methods, and processed by SPSS 22.0 software for analysis, the reliability of the measurement factors, and at the same time apply statistical methods to synthesize and compare in order to quantify the influence of the factors affecting the quality of information on the financial statements, and thereby with the research to find out. The gap in the quality of information when presented in the financial statements of construction enterprises, as well as the factors that directly affect the quality of information on the financial statements that have not been mentioned in previous studies, thereby providing the appropriate recommendations for improving information quality, affirming transparency and publicity on financial statements of construction enterprises.</p>

*Corresponding author:

Email: ntm.thuy@ufm.edu.vn



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngô Thị Mỹ Thúy^{1*}, Nguyễn Thị Kim Huệ²

¹Trường Đại học Tài chính – Marketing

²Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Quốc Gia

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi70.323</p> <p>Ngày nhận: 26/03/2021</p> <p>Ngày nhận lại: 21/05/2021</p> <p>Ngày đăng: 25/08/2022</p> <p>Từ khóa: Doanh nghiệp xây lắp; Chất lượng thông tin; Báo cáo tài chính.</p>	<p>Hiện nay, cùng với sự đổi mới của nền kinh tế thị trường và sự cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế đã gây ra những khó khăn, thách thức cho doanh nghiệp trong việc công bố thông tin, đặc biệt là chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính. Kế thừa các nghiên cứu trước đây, tác giả đã nghiên cứu chất lượng thông tin của các doanh nghiệp xây dựng thông qua việc khảo sát thực trạng của hơn 160 doanh nghiệp xây lắp, sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 để phân tích độ tin cậy của các nhân tố đo lường, đồng thời áp dụng phương pháp thống kê để tổng hợp, so sánh nhằm lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính, và qua đó với nghiên cứu tìm ra được khe hở về chất lượng của thông tin khi trình bày trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp xây lắp, cũng như các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính mà những nghiên cứu trước đây chưa được đề cập đến. Từ đó, đưa ra các khuyến nghị phù hợp cho việc nâng cao chất lượng thông tin, khẳng định tính minh bạch, công khai trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp xây lắp.</p>

1. Giới thiệu

Hiện nay, các doanh nghiệp xây lắp ở Việt Nam nói chung và doanh nghiệp xây lắp tại TPHCM nói riêng hiện đang chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số các công ty đang hoạt động trong cả nước, đóng góp vào GDP hàng năm và tạo công ăn việc làm cao. Điển hình giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 của ngành xây lắp theo số liệu thống kê đạt 62.884 tỉ

đồng, tăng 13,7% so với năm 2019 (Cục Thống kê TPHCM, 2021). Với đặc điểm là vốn đầu tư lớn, khối lượng thi công công trình lớn, thời gian đầu tư và thi công dài, nhiều khoản mục chi phí phức tạp, nên các công ty xây lắp cần phải quản lý vốn đầu tư, khắc phục tình trạng lãng phí, hạ giá thành sản phẩm, song vẫn phải đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ thi công. Theo báo cáo kinh tế - xã hội của Tổng cục Thống kê, năm 2020 ngành xây dựng cả nước tăng trưởng 6,76%, thấp nhất trong giai đoạn phát triển 2016-2020, cao hơn tăng trưởng ngành giai đoạn khó khăn 2011-2013.

*Tác giả liên hệ:

Email: ntm.thuy@ufm.edu.vn

Năm 2020, số doanh nghiệp thành lập mới của ngành xây dựng đạt 17.080 doanh nghiệp, tăng 0,4%; doanh nghiệp quay trở lại hoạt động 6.545 doanh nghiệp. Bộ Kế hoạch Đầu tư đánh giá, số doanh nghiệp thành lập mới trong ngành xây dựng có chiều hướng gia tăng qua các tháng khi giải ngân vốn đầu tư công được đẩy mạnh. 11 tháng đầu năm 2020, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 79,3% kế hoạch, tăng 34% so với cùng kỳ, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên, các doanh nghiệp xây lắp trên cả nước và trên địa bàn TPHCM vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu trong nước

Nguyễn Thị Thanh Phương (2013) phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của doanh nghiệp niêm yết ở sở giao dịch chứng khoán TPHCM. Kết quả cho thấy, quy mô doanh nghiệp, thời gian niêm yết, chủ thể kiểm toán, tác động tích cực đến mức độ công bố thông tin. Phan Minh Nguyệt (2014) kiểm định 7 nhân tố gồm Nhà quản trị, lợi ích và chi phí lập và trình bày báo cáo tài chính, trình độ nhân viên kế toán, mục đích lập báo cáo tài chính, thuế, rủi ro kiểm toán những nhân tố nào ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán. Kết quả nghiên cứu có 5 nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính là: Rủi ro kiểm toán, nhà quản trị doanh nghiệp, việc lập và trình bày báo cáo tài chính, thuế, lợi ích và chi phí.

Cao Nguyễn Lệ Thư (2014) nghiên cứu các nhân tố bên trong doanh nghiệp tác động đến chất lượng thông tin kế toán của các doanh nghiệp niêm yết ở sở giao dịch chứng khoán TPHCM cho thấy, quy mô doanh nghiệp, kết cấu vốn của nhà nước, tỷ lệ thành viên hội đồng quản trị không điều hành của doanh nghiệp. Phạm Ngọc Toàn (2015) nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TPHCM”. Tác giả nêu ra tầm quan trọng và tính hiệu quả của việc công bố thông tin của các công ty niêm yết. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố Quy mô doanh nghiệp, Chủ thể kiểm toán, Thành phần HĐQT, Thời gian hoạt động,

Khả năng thanh toán lại ảnh hưởng đến mức độ CBTT của các DN niêm yết theo mô hình sau với mức độ phù hợp 47.1%. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Bảo (2015) về các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TPHCM cho thấy, các nhân tố quy mô doanh nghiệp, chủ thể kiểm toán, thành phần HĐQT, thời gian hoạt động, khả năng thanh toán lại ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp.

2.2. Nghiên cứu ngoài nước

Thông qua nghiên cứu định tính, Xu và cộng sự (2003) đã khám phá ra một số nhân tố tác động đến chất lượng thông tin kế toán, bao gồm các nhân tố bên trong như nhân tố con người và hệ thống máy tính, giáo dục và nâng cao trình độ nhân viên, nâng cấp hệ thống, các vấn đề liên quan đến các tổ chức; và nhân tố bên ngoài. Chen và cộng sự (2007) nghiên cứu các nhân tố quyết định đến chất lượng thông tin kế toán khi áp dụng IFRS bao gồm: hệ thống pháp luật và chính trị, chuẩn mực kế toán và việc trình bày báo cáo tài chính. Kết quả nghiên cứu của mô hình cho thấy, hệ thống pháp luật và chính trị là nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán theo nhiều cách khác nhau, nó có thể tác động trực tiếp đến chất lượng thông tin kế toán hoặc tác động gián tiếp đến chất lượng thông tin kế toán thông qua chuẩn mực kế toán và việc trình bày báo cáo tài chính. Nghiên cứu của Braam và Van Beest (2013) là tập trung xây dựng một công cụ đo lường toàn diện để đánh giá chất lượng của báo cáo tài chính, dựa vào các đặc tính chất lượng thông tin kế toán theo yêu cầu của hội đồng tiêu chuẩn kế toán tài chính (Financial Accounting Standards Board – FASB) và hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (International Accounting Standards Board – IASB) năm 2010 và các nghiên cứu từ trước về việc đánh giá các đặc tính chất lượng thông tin kế toán.

Trên thế giới, các nghiên cứu thường hướng đến việc đo lường chất lượng thông tin báo cáo tài chính bằng phương pháp thực nghiệm với dữ liệu thứ cấp, thông qua một hoặc một số chỉ tiêu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, còn rất ít nghiên cứu hướng đến việc khảo sát, đo lường chất lượng thông tin báo cáo tài chính theo đây

đủ các thuộc tính đánh giá chất lượng thông tin được công bố bởi FASB & IASB (2010). Bên cạnh đó, thang đo chất lượng thông tin báo cáo tài chính của các nghiên cứu trước được xây dựng trên cơ sở kế thừa các thang đo từ các nghiên cứu ở nước ngoài, chưa thực hiện phần nghiên cứu định tính để chỉnh sửa thang đo cho phù hợp với các doanh nghiệp tại Việt Nam.

3. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

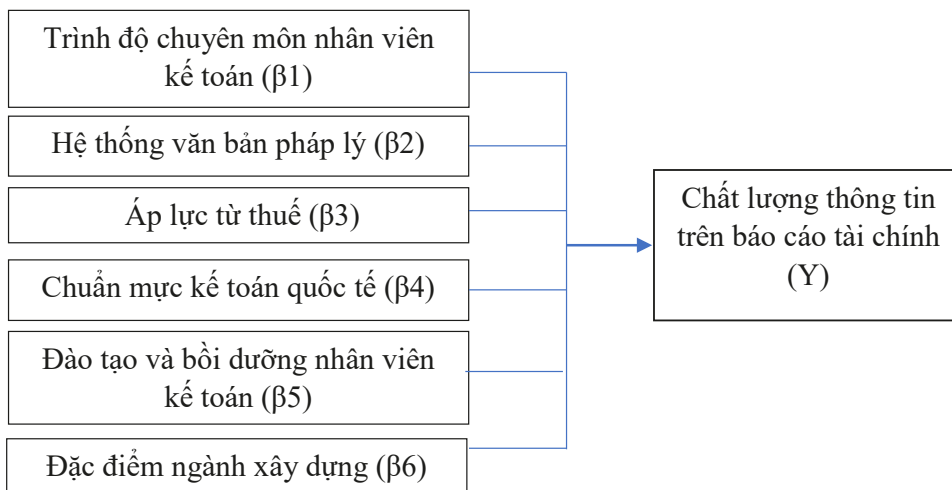
Để thực hiện nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua nghiên cứu lý thuyết, tìm hiểu các nghiên cứu trước và khảo sát chuyên gia đối với các đối tượng liên quan đến việc lập và sử dụng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn TPHCM. Tác giả xây dựng danh mục câu hỏi và chủ đề đã xây dựng sẵn theo mục đích của tác giả muốn tìm hiểu và thăm dò các yếu tố nào phù hợp với công ty xây dựng và được công ty đánh giá là cần thiết. Bên cạnh đó, tác giả cũng tiến hành tổng hợp cơ sở lý thuyết và phân tích thực trạng để làm cơ sở nghiên cứu. Nghiên cứu định lượng được sử dụng để tiến hành đo lường và kiểm định các nhân tố. Dữ liệu nghiên cứu được tác giả khảo sát thông qua khảo sát chuyên gia và thu thập dữ liệu từ khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp xây lắp.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Hiện nay, các nhà nghiên cứu xác định cỡ mẫu cần thiết thông qua công thức kinh nghiệm cho từng phương pháp xử lý. Theo Tabachnick và cộng sự (1996), quy mô mẫu có thể xác định theo công thức $n \geq 50 + 8k$, với k là số biến độc lập của mô hình. Trong nghiên cứu này, số lượng biến độc lập trong mô hình là 6 biến. Kích thước mẫu nghiên cứu chính thức phải lớn hơn là $n = 98$, phù hợp với điều kiện về kích thước mẫu cho phân tích EFA và hồi quy. Do vậy, Tổng số doanh nghiệp thu thập đạt yêu cầu cho nghiên cứu 167 doanh nghiệp trong tổng số 192 doanh nghiệp được khảo sát. Tác giả sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để phân tích độ tin cậy của các nhân tố đo lường, đồng thời áp dụng phương pháp thống kê để tổng hợp, so sánh nhằm lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính. Kiểm định thang đo và kiểm định sự phù hợp của mô hình bằng phần mềm SPSS 22. Kiểm tra sự khác biệt về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của các công ty xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đối tượng được phỏng vấn khác nhau.

3.3. Mô hình nghiên cứu

Sau khi tổng hợp tài liệu các nghiên cứu trước và ý kiến từ kết quả khảo sát chuyên gia, 6 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn TPHCM được đề xuất nghiên cứu.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Giả thuyết nghiên cứu:

Giả thuyết H1: Trình độ chuyên môn nhân viên kế toán có ảnh hưởng cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính.

Giả thuyết H2: Hệ thống văn bản pháp lý có ảnh hưởng cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính.

Giả thuyết H3: Áp lực từ thuế có ảnh hưởng cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính

Giả thuyết H4: Chuẩn mực kế toán quốc tế có ảnh hưởng cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính.

Giả thuyết H5: Đào tạo và bồi dưỡng nhân viên kế toán có ảnh hưởng cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính.

Giả thuyết H6: Đặc điểm ngành xây dựng có ảnh hưởng cùng chiều đến chất lượng báo cáo tài chính.

4. Kết quả nghiên cứu

Đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng Cronbach’s Alpha

Bảng 1. Kết quả đánh giá mô hình đo lường

Thang đo		Cronbach’s Alpha nếu loại biến	Cronbach’s Alpha	Hệ số tương quan
Trình độ chuyên môn (TĐCM)	TĐCM1	0,821	0,866	0,738
	TĐCM2	0,793		0,803
	TĐCM3	0,873		0,603
	TĐCM4	0,824		0,729
	TĐCM5			70,33
Hệ thống văn bản pháp lý (PL)	PL1	0,821	0,840	0,597
	PL2	0,806		0,653
	PL3	0,791		0,710
	PL4	0,818		0,609
Áp lực từ thuế (ALTT)	ALTT1	0,814	0,882	0,889
	ALTT2	0,887		0,582
	ALTT3	0,862		0,694
	ALTT4	0,821		0,862
Chuẩn mực kế toán quốc tế (CMKTQT)	CMKTQT1	0,772	0,805	0,576
	CMKTQT2	0,755		0,634
	CMKTQT3	0,764		0,599
	CMKTQT4	0,754		0,631
Đào tạo và bồi dưỡng nhân viên kế toán (DTBD)	DTBD1	0,872	0,825	0,676
	DTBD2	0,715		0,734
	DTBD3	0,714		0,699
	DTBD4	0,724		0,731

Thang đo		Cronbach's Alpha nếu loại biến	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan
<i>Đặc điểm ngành xây dựng (DNXD)</i>	DNXD1	0,872	0,850	0,776
	DNXD2	0,815		0,714
	DNXD3	0,714		0,619
	DNXD4	0,824		0,711
<i>Chất lượng báo cáo tài chính (CLTTBC)</i>	CLTTBC1	0,880	0,892	0,711
	CLTTBC2	0,872		0,733
	CLTTBC3	0,848		0,798

Theo kết quả số liệu bảng 1 cho thấy, tất cả các thang đo đều đạt độ tin cậy. Kết quả phân tích độ tin cậy thang đo (Cronbach's Alpha) đều lớn hơn 0,6 và các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3.

4.2. Phân tích nhân tố khám phá

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (bảng 2) với phương sai trích là 64,764% > 50% đạt yêu cầu. Phương pháp trích nhân tố chính (Principal components) và phép quay vuông góc (Varimax) cho kết quả 6 nhân tố được rút trích ra từ các biến quan sát.

Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
TDCM1	0,946					
TDCM2	0,933					
TDCM3	0,807					
TDCM4	0,702					
TDCM5	0,698					
CMKTQT1		0,810				
CMKTQT2		0,756				
CMKTQT3		0,755				
CMKTQT4		0,750				
PL1			0,874			
PL2			0,834			
PL3			0,821			
PL4			0,758			
DTBD1				0,771		
DTBD2				0,752		
DTBD3				0,741		
DTBD4				0,731		

	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
Thue1					0,722	
Thue2					0,662	
Thue3					0,821	
Thue4					0,821	
DNXD1						0,755
DNXD2						0,874
DNXD3						0,698
DNXD4						0,807
Các kiểm định						
	Giá trị KMO					0,773
	Giá trị Sig (Bartlett’s Test of Sphericity)					0,000
	Tổng phương sai trích					69,537
	Giá trị Eigenvalues					1,938

Theo kết quả bảng 2 cho thấy, hệ số tải nhân tố (factor loading) của các biến ($> 0,5$) và hiệu số giữa các thành phần trong cùng nhân tố lớn hơn 0,3. Như vậy, thang đo được chấp nhận và 25 biến quan sát được gom thành 06 nhóm gồm (1) Nhóm 1 (Các nhân tố trình độ chuyên môn) gồm 5 biến: TDCM1, TDCM2, TDCM3, TDCM4, TDCM5; (2) Nhóm 2 (Các nhân tố Chuẩn mực kế toán quốc tế) gồm 4 biến: CMKTQT1, CMKTQT2, CMKTQT3, CMKTQT4; (3) Nhóm 3 (Các nhân tố Hệ

thống văn bản pháp lý) gồm 4 biến: PL1, PL2, PL3, PL4; (4) Nhóm 4 (Các nhân tố Đào tạo và bồi dưỡng nhân viên kế toán) gồm 4 biến: DTBD1, DTBD2, DTBD3, DTBD4; (5) Nhóm 5 (Các nhân tố Áp lực từ thuế) gồm 4 biến: ALTT1, ALTT2, ALTT3, ALTT4; (6) Nhóm 6 (Các nhân tố Đặc điểm ngành xây dựng) gồm 4 biến: DNXD1, DNXD2, DNXD3, DNXD4.

4.3. Phân tích mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

4.3.1. Kết quả phân tích tương quan

Bảng 3. Kết quả ma trận tương quan giữa các biến nghiên cứu

	CLTTBCTC	TĐCM	PL	ALTT	CMKTQT	DTBD
Chất lượng báo cáo tài chính (CLTTBCTC)	1					
Trình độ chuyên môn (TĐCM)	0,225**	1				
Hệ thống văn bản pháp lý (PL)	0,644**	0,117	1			
Áp lực từ thuế (ALTT)	0,862**	-0,247**	0,406**	1		
Chuẩn mực kế toán quốc tế (CMKTQT)	0,365**	-0,194*	0,261**	0,521**	1	
Đào tạo và bồi dưỡng nhân viên kế toán (DTBD)	0,222**	0,082	0,156*	0,326**	0,494**	1
Đặc điểm ngành xây dựng (DNXD)	0,386**	0,003	0,204**	0,511**	0,533**	0,671**

Ghi chú: Ký hiệu **, * thể hiện tương quan tại mức 0,01; 0,05.

Bảng ma 3 cho thấy, tương quan giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc cùng chiều và có ý nghĩa thống kê. Hệ số tương quan của biến phụ thuộc với từng biến độc lập dao động từ 0,222 đến 0,862 (mức tương quan yếu đến tương quan mạnh).

4.3.2. Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Nghiên cứu thực hiện hồi quy tuyến tính đa biến với phương pháp đưa vào một lượt (phương pháp Enter).

Bảng 4. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số Beta chuẩn hóa	Sig.	Đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF
Hằng số	0,445	0,219		0,044		
TDCM	0,129	0,035	0,114	0,000	0,817	1,223
PL	0,536	0,044	0,390	0,000	0,774	1,293
ALTT	0,641	0,033	0,754	0,000	0,530	1,888
CMKTQT	0,169	0,041	0,153	0,000	0,569	1,757
DTBD	0,115	0,058	0,123	0,033	0,506	1,976
DNXD	0,126	0,049	0,135	0,029	0,538	1,984
Các kiểm định						
	R ²				0,653	
	R ² hiệu chỉnh				0,625	
	Hệ số Durbin Watson (DW)				1,953	
	Thống kê F (sig)				36,452 (0,000)	

Kết quả phân tích các hệ số hồi quy cho thấy mô hình không bị vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến do hệ số phóng đại phương sai của các biến độc lập (VIF) đều nhỏ hơn 2 (dao động từ 1,223 đến 1,987). Qua các kết quả kiểm định trên cho thấy, các giả định của hàm hồi quy tuyến tính không bị vi phạm và mô hình hồi quy đã xây dựng là phù hợp với tổng thể. Phân phối chuẩn của phần dư không bị sai phạm, giá trị trung bình bằng -2,67E-15 (gần bằng 0) và độ lệch chuẩn bằng 0,996 (gần bằng 1). Như vậy, cả 06 nhân tố của mô hình đề xuất đều có ảnh hưởng đến Chất lượng báo cáo tài chính các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Kết luận và kiến nghị

5.1. Kết luận

Thông qua dữ liệu nghiên cứu định tính, tác giả đã tiến hành phân tích đo lường chất

lượng thông tin báo cáo tài chính và các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính. Về nội dung thông tin, các doanh nghiệp xây lắp hầu hết vẫn đáp ứng được các thông tin cần thiết theo quy định hiện hành. Về chất lượng thông tin công bố thực tế vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của người sử dụng thông tin như tính kịp thời, có thể so sánh được... Về việc tuân thủ phương tiện, hình thức và thời gian công bố thông tin vẫn còn chậm so với yêu cầu của người sử dụng thông tin.

Đối với kết quả nghiên cứu định lượng, mô tả mẫu khảo sát của 6 nhân tố cho thấy số lượng và các đặc tính mẫu thu thập đều thỏa mãn các điều kiện đặt ra ban đầu. Kết quả kiểm định Cronbach cho từng thang đo cho thấy, hệ số này khá lớn, dao động trong khoảng giá trị từ 0,7 đến 0,9, điều này cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy cao. Kiểm định giá trị thang đo bằng phân tích nhân tố khám phá EFA cho thấy, các điều kiện quy định để đánh giá EFA đều thỏa

mãn, các thang đo đều đạt được giá trị phân biệt lẫn giá trị hội tụ. Các thang đo đo lường các biến phụ thuộc lẫn độc lập đều nhóm vào các nhân tố đúng như giả định. Kết quả kiểm định cho thấy, cả 6 giả thuyết nghiên cứu được đúc kết từ nghiên cứu định tính tiếp tục được khẳng định bởi nghiên cứu định lượng. Phân tích hồi qui cho phép tác giả xây dựng mô hình hồi qui với 6 nhân tố tác động đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính: Trình độ chuyên môn nhân viên kế toán ($\beta_1 = 0,114$), Hệ thống văn bản pháp lý ($\beta_2 = 0,390$), Áp lực từ thuế ($\beta_3 = 0,754$), Chuẩn mực kế toán quốc tế ($\beta_4 = 0,153$), Đào tạo và bồi dưỡng nhân viên kế toán ($\beta_5 = 0,123$), Đặc điểm ngành xây dựng ($\beta_6 = 0,135$). Phân tích sự ảnh hưởng của các nhân tố cho thấy 2 nhân tố Áp lực từ thuế và Hệ thống văn bản pháp lý có ảnh hưởng lớn nhất và thực sự làm thay đổi mối quan hệ của các biến độc lập đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính.

5.2. Kiến nghị

Cần xây dựng hệ thống văn bản pháp lý. Theo Quyết định 480/2013/QĐ-TTg được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về “Chiến lược kế toán – kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030” đã xác định quan điểm là “Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý hệ thống chuẩn mực”, “hòa nhập với thông lệ quốc tế”. Vì vậy, Chính phủ cần ban hành mới và cập nhật sửa đổi các chuẩn mực kế toán, bổ sung các nguyên tắc, chuẩn mực chưa có nhằm vừa đáp ứng yêu cầu cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hiện nay vừa áp dụng các thông lệ về kế toán quốc tế như nguyên tắc tôn trọng nội dung hơn là hình thức, bổ sung chuẩn mực trình bày công cụ tài chính, chuẩn mực tổn thất tài sản, thanh toán trên cơ sở cổ phiếu, chuẩn mực kế toán trợ cấp của Chính phủ và trình bày các khoản hỗ trợ của Chính phủ... Ban hành hướng dẫn chuẩn mực kế toán, chuẩn mực báo cáo tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tăng cường các biện pháp chế tài đối với hành vi vi phạm về sự thiếu minh bạch thông tin trình bày trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp.

5.2.1. Cần giảm áp lực thuế trong các doanh nghiệp xây lắp

Để nâng cao chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn TPHCM nói riêng và các doanh nghiệp xây lắp trên cả nước nói chung thì hoàn thiện hệ thống chính sách thuế là vô cùng cần thiết. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý thuế đòi hỏi cán bộ, công chức ngành thuế phải có kỹ năng quản lý, trình độ nghiệp vụ tương xứng với yêu cầu đặt ra.

Chính sách thuế phải tạo môi trường pháp lý bình đẳng, công bằng, áp dụng hệ thống thuế thống nhất không phân biệt giữa các thành phần kinh tế cũng như giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đẩy mạnh cải cách hệ thống thuế theo hướng đơn giản, minh bạch, công khai, tách chính sách xã hội ra khỏi chính sách thuế. Nhanh chóng hiện đại hóa và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý thuế, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, yếu kém làm cho bộ máy quản lý thuế trong sạch, vững mạnh. Xem doanh nghiệp là đối tượng trong quản lý thuế nhằm giúp cho doanh nghiệp kịp thời nắm bắt được các quy định của pháp luật, tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật trước, trong và sau khi kê khai và nộp thuế, đây cũng là giải pháp nâng cao tính tuân thủ thuế, từ đó nâng cao chất lượng thông tin kế toán trình bày trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

5.2.2. Nâng cao chất lượng Đào tạo và bồi dưỡng kế toán

Nâng cao chất lượng của nhân sự kế toán. Nhà nước cần quy định chặt chẽ hơn về việc hành nghề kế toán. Cũng như các ngành nghề khác trong xã hội hiện nay, người làm kế toán cần phải có chứng chỉ hành nghề, trong đó quy định rõ ràng các điều kiện về chuyên môn, kinh nghiệm thực tế khi tham gia thi chứng chỉ hành nghề. Việc bắt buộc quy định phải có chứng chỉ

hành nghề kế toán và gắn vào đó là trách nhiệm nghề nghiệp của người làm nghề không những góp phần nâng cao năng lực chuyên môn mà còn góp phần nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của người làm kế toán. Thêm vào đó, Nhà nước có thể nghiên cứu hướng tới quy định bắt buộc khối lượng cập nhật kiến thức cho Kế toán trưởng hằng năm nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, cập nhật văn bản pháp luật.

5.2.3. Kiến nghị với ngành xây dựng

Các doanh nghiệp xây lắp cần tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, hạng mục công trình kế hoạch theo đúng tiến

độ. Tăng cường công tác quản lý, coi trọng công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, thực hiện tại các công trình, dự án thi công nhằm đảm bảo thực hiện thi công đúng tiến độ. Trình bày trung thực các thông tin kế toán liên quan đến các công trình, hạng mục này cũng như hoạt động chung của cả công ty nhằm diễn giải các thông tin kế toán liên quan đến những sự kiện kinh tế trong hoạt động của doanh nghiệp xây lắp, tiếp đó những thông tin kế toán được trình bày trung thực sẽ thể hiện được bản chất của hiện tượng kinh tế liên quan đến hoạt động của công ty, từ đó nâng cao chất lượng thông tin kế toán mà các doanh nghiệp xây lắp cung cấp cho đối tượng sử dụng thông tin.

Tài liệu tham khảo

- Cao Nguyễn Lệ Thu (2014). *Đánh giá các nhân tố bên trong doanh nghiệp tác động đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết ở sở giao dịch chứng khoán TP HCM*. Trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Braam, G., & Van Beest, F. (2013). Conceptually-based financial reporting quality assessment an empirical analysis on quality differences between UK annual reports and US 10-K reports. *Journal of Modern Accounting and Auditing*, 9(10), 1281-1301.
- Chen, C. J., Su, X., & Wu, X. (2009). Forced Audit Firm Change, Continued Partner-Client Relationship, and Financial Reporting Quality. *Auditing: A Journal of Practice & Theory*, 28(2), 227-246.
- Hongjiang, X., Jeretta, H. N., & Binshan, L. (2003). Key issues of accounting information quality management: Australian case studies. *Industrial Management & Data Systems*, 103(7), 461-470.
- Quỳnh Nguyễn (2020). *Năm 2020, ngành xây dựng tăng đóng góp vào GDP*. <https://vneconomy.vn/nam-2020-nganh-xay-dung-tang-dong-gop-va-gdp-20201229123316935.htm>
- Cục thống kê TP HCM (2021). *Số liệu kinh tế - xã hội năm 2020*. http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn/c/document-library/get_file?uuid=14c9dd04-ffde-4ef3-9be4-a2e0692767ec&groupId=18
- Nguyễn Thị Thanh Phương (2013). *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán TP HCM*. Trường Đại học Đà Nẵng.
- Nguyễn Văn Bảo (2015). *Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP HCM*. Trường Đại học công nghệ TP HCM.
- Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định 480/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược kế toán – kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, ban hành ngày 18/3/2013*.